

*

BẢNG ĐIỂM CHUNG

Lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên khóa 100

Thời gian học: từ ngày 17/9/2022 đến ngày 10/11/2022

STT	Họ và tên	Điểm			Xếp loại	Ghi chú
		Phần I	Phần II	Điểm TB		
1	Lương Chu An	7.20	7.60	7.40	Khá	
2	Triệu Thị Lan Anh	6.60	7.80	7.20	Khá	
3	Vũ Thị Tú Anh	7.00	8.00	7.50	Khá	
4	Bùi Trường Anh	8.40	8.40	8.40	Khá	
5	Nông Phương Anh	8.80	7.60	8.20	Khá	
6	Nông Thị Bén	8.40	6.00	7.20	Khá	
7	Ma Thị Bích	7.20	5.40	6.30	Trung bình	
8	Hoàng Văn Cảnh	6.60	7.80	7.20	Khá	
9	Phạm Thị Thùy Chi	9.20	7.20	8.20	Khá	
10	Trương Thị Kim Chi	6.20	7.80	7.00	Khá	
11	Nông Văn Chức	6.40	5.60	6.00	Trung bình	
12	Nguyễn Mạnh Cường	8.00	6.80	7.40	Khá	
13	Lý Tiến Đạt	7.20	8.80	8.00	Khá	
14	Lăng Thị Diễm	8.20	8.00	8.10	Khá	
15	Đàm Phương Dung	8.20	7.80	8.00	Khá	
16	Phan Anh Dũng	6.60	8.00	7.30	Khá	
17	Nguyễn Thị Ánh Dương	9.20	8.80	9.00	Giỏi	
18	Triệu Văn Dương	8.40	7.40	7.90	Khá	
19	Nguyễn Anh Duy	7.20	5.60	6.40	Trung bình	
20	Hoàng Thị Quỳnh Giang	8.80	8.40	8.60	Khá	
21	Đàm Thị Hằng	7.40	6.80	7.10	Khá	
22	Đỗ Hồng Hạnh	8.60	8.20	8.40	Khá	
23	Cao Thị Thanh Hào	8.40	7.80	8.10	Khá	
24	Hoàng Thị Quỳnh Hào	8.60	7.60	8.10	Khá	
25	Mã Thị Hiền	7.80	7.80	7.80	Khá	
26	Phan Thị Diệu Hoa	7.40	7.60	7.50	Khá	

STT	Họ và tên	Điểm			Xếp loại	Ghi chú
		Phần I	Phần II	Điểm TB		
27	Lưu Danh Hoàn	6.80	5.20	6.00	Trung bình	
28	Nguyễn Thái Học	5.80	5.20	5.50	Trung bình	
29	Phan Triệu Học	7.00	8.00	7.50	Khá	
30	Bé Ích Hợp	7.00	7.00	7.00	Khá	
31	Nông Ngọc Hưng	8.60	7.40	8.00	Khá	
32	Đình Thanh Hương	6.60	6.80	6.70	Trung bình	
33	Nông Văn Hường	5.80	5.20	5.50	Trung bình	
34	Nông Văn Hữu	6.80	6.40	6.60	Trung bình	
35	Lãnh Thị Mai Lan	7.60	7.60	7.60	Khá	
36	Nông Thị Ngọc Lan	7.40	5.60	6.50	Trung bình	
37	Nông Thị Lan	6.80	6.60	6.70	Trung bình	
38	Nguyễn Thị Bích Liên	8.80	7.00	7.90	Khá	
39	Hoàng Thị Thùy Linh	7.40	7.40	7.40	Khá	
40	Hoàng Thị Tuyết Linh	8.20	8.60	8.40	Khá	
41	Nông Thị Thùy Linh	8.20	7.80	8.00	Khá	
42	Lô Diệu Linh	9.60	8.40	9.00	Giỏi	
43	Lục Đức Long	7.20	6.80	7.00	Khá	
44	Đình Hương Ly	8.00	6.20	7.10	Khá	
45	Nguyễn Thị Phương Nga	8.00	7.80	7.90	Khá	
46	Hoàng Thị Nga	9.00	8.00	8.50	Khá	
47	Nguyễn Quỳnh Nga	7.00	7.50	7.25	Khá	
48	Bùi Bích Ngọc	8.00	8.40	8.20	Khá	
49	Chu Thị Nhã	7.00	8.00	7.50	Khá	
50	Hoàng Đình Phong	7.40	5.80	6.60	Trung bình	
51	Bùi Bích Phương	8.40	8.40	8.40	Khá	
52	Phạm Thị Phương	7.20	8.00	7.60	Khá	
53	Triệu Văn Quân	7.00	7.20	7.10	Khá	
54	Hà Văn Tân	7.40	6.60	7.00	Khá	
55	Hoàng Văn Tập	6.00	5.60	5.80	Trung bình	
56	Đàm Phương Thanh	6.20	6.20	6.20	Trung bình	
57	Hoàng Thị Phương Thảo	8.20	8.40	8.30	Khá	
58	Nguyễn Thị Thu Thảo	8.60	8.00	8.30	Khá	

STT	Họ và tên	Điểm			Xếp loại	Ghi chú
		Phần I	Phần II	Điểm TB		
59	Linh Phương Thảo	7.60	7.40	7.50	Khá	
60	Nông Thế Thiên	7.60	8.00	7.80	Khá	
61	Lê Thị Thu	7.80	8.00	7.90	Khá	
62	Hoàng Bích Thủy	6.60	8.20	7.40	Khá	
63	Phùng Vương Tiến	7.40	8.60	8.00	Khá	
64	Nguyễn Hải Tín	8.40	7.40	7.90	Khá	
65	Nông Thị Tình	6.40	8.00	7.20	Khá	
66	Lữ Phương Trinh	8.40	8.40	8.40	Khá	
67	Hoàng Văn Tuấn	5.40	5.00	5.20	Trung bình	
68	Hoàng Văn Tuấn	5.00	5.00	5.00	Trung bình	
69	Nông Thị Kim Tuyết	8.40	8.20	8.30	Khá	
70	Bé Nguyễn Khánh Vân	5.60	8.40	7.00	Khá	
71	Đàm Thị Vân	8.40	7.60	8.00	Khá	
72	Chung Ái Vượng	6.60	5.60	6.10	Trung bình	

Danh sách ấn định: 72 học viên.

Tổng hợp xếp loại:

Trung bình: Điểm trung bình toàn khóa học từ 5,00 điểm đến dưới 7,00 điểm: 16 học viên, chiếm 22.2%.

Khá: Điểm trung bình toàn khóa học từ 7,00 điểm đến dưới 9,00 điểm: 54 học viên, chiếm 75 %,

Giỏi: Điểm trung bình từ 9,00 điểm đến 10,00 điểm: 02 học viên, chiếm 2.7 %./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO
VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy




Trịnh Thị Ánh Hoa